



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be Commune, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 38/2026

(16/09/2025 – 22/09/2026)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, hoạt động thuê tàu diễn ra tích cực với cước tương đối ổn định. Chỉ số BDI phục hồi nhẹ, tăng thêm 72 điểm (↑2,14%) lên 3.432 điểm. Tổng quan các chỉ số thuê tàu như sau: Capesize BCI nhích nhẹ thêm 205 điểm (↑3,6%) lên 5.892 điểm, Panamax BPI tuy phục hồi song vẫn giảm 65 điểm (↓2,7%) còn 2.299 điểm. Supramax BSI tăng 40 điểm (↑2,3%) lên 1.776 điểm, Handysize BHI cũng nhích thêm 49 điểm (↑5,1%) lên 997 điểm - hai phân khúc này đã duy trì đà tăng trưởng dương trong vòng một tháng qua. Đối với mảng mua bán tàu đã qua sử dụng, tuy số lượng tàu bán giảm một nửa so với tuần trước song ghi nhận sự đa dạng trong giao dịch. Ở phân khúc Supramax, chủ tàu Nhật K-Line bán tàu **Ipsea Colossus** (58.818 dwt, đóng 2011 Nhật, DD 01/2029, SS 01/2031) với giá khoảng 20,75 triệu đô la Mỹ. Mức này cũng tương tự tàu chị em **Stenia Colossus** (58.731 dwt, đóng 2011 Nhật, DD 4/2029 SS 2/2031) bán cách đây hơn 3 tuần. Tàu 53k Dwt **Vela** (53.565 dwt, đóng 2007 tại xưởng Nam Triệu Việt Nam, DD/SS 06/2027) được chủ tàu Na Uy chốt với giá khoảng 10,8 triệu đô la Mỹ - đây sẽ là mốc tham chiếu cho dòng tàu size nhỏ 53k đóng Việt Nam trong thời gian tới. Sang phân khúc Handysize, tàu **Ultra Tattio** (37.927 dwt, đóng 2016 Nhật, eco M/E, hạn đà cận kề DD/SS 10/2026) được chủ tàu Nhật bán với giá khoảng 22 triệu đô la Mỹ. Mức này khá hợp lý nếu so sánh với tàu già hơn một tuổi **Boston Harmony** (38.561 dwt, đóng 2015 Nhật, DD 09/2028, SS 08/2030) về tay Người mua Hy Lạp tuần trước với giá không tương khoảng 23,2 triệu đô la Mỹ. Thêm một tàu đóng Nhật nữa vừa được chuyển nhượng thành công là tàu **Crimson Wyoming** (33.117 dwt, đóng 2015 Nhật, hầm hàng hộp, máy chính eco, DD 04/2028, SS 03/2030) được bán với giá khoảng 18,1 triệu đô la Mỹ - đây sẽ thiết lập mốc tham chiếu cho dòng tàu 33k Dwt xung quang 10-11 tuổi đóng Nhật trong thời gian tới.

Ở mảng tàu dầu/hoá chất, trước các bất ổn địa chính trị khiến hoạt động thuê tàu diễn ra cơn sốt. Cước tàu chở dầu thô tiếp tục tăng mạnh trong khi đó cước chở dầu thành phẩm có sự phân hóa xon nhìn chung vẫn ở mức cao. Chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) tiếp tục tăng 658 điểm (↑14,6%) vút lên 5.157 điểm. Chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) cũng tích lũy thêm 165 điểm (↑8,8%) lên 2.039 điểm. Ở hoạt động mua bán tàu đã qua sử dụng, số lượng giao dịch được rút gọn một chút song tiêu điểm vẫn dành trọn cho các dòng tàu lớn từ VLCC đến LR, với Aframax chiếm tỷ trọng cao nhất. Ở phân khúc MR, công ty Admore Shipping đã tạm biệt một trong những tàu chemical lớn tuổi nhất trong đội tàu mình là **Ardmore Endeavour** (49.859 dwt, đóng 2013 Hàn Quốc, máy chính eco, SS 07/2028) với giá khoảng 36 triệu đô la Mỹ (được biết thêm, giá bán bằng đúng giá phía Admore bỏ ra để mua tàu này vào 12 năm trước). Do được lắp máy lọc khí scrubber, nên dù sắp đến hạn đà trung gian DD 9/2026 thì giá tàu **Ardmore Endeavour** vẫn hơi nhỉnh hơn nếu so với tàu chemical kém một tuổi **LVM Aaron** (50.927 dwt, đóng 2014 Hàn Quốc, máy chính eco, DD 05/2027, SS 05/2029) bán cách đây 2-3 tuần trước với giá khoảng 35,5 triệu đô la Mỹ.

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Houheng 5	2017	China	261,761	72.00	Undisclosed	Eco M/E, DD/SS 02/2027
Houheng 6	2017	China	261,838	72.00		Eco M/E, DD/SS 09/2027
Highland	2006	China	174,092	25.00	Chinese	DD 01/2029, SS 03/2031
HC Wisdom	2013	Japan	95,711	24.50	Undisclosed	DD/SS freshly passed 09/2026
Moana	2027	China	82,000	42.00	Undisclosed	NB
Bora	2014	China	81,982	22.50	Undisclosed	DD 04/2027, SS 01/2029
King Loong	2006	Japan	77,430	13.00	Undisclosed	DD/SS passed 06/2026, next DD 06/2029, SS 08/2031
Indigo Breeze	2017	Japan	60,430	30.50	Undisclosed	Eco M/E, DD/SS 02/2027
Ipsa Colossus	2011	Japan	58,818	20.75	Undisclosed	DD 01/2029, SS 01/2031
Placid Sea	2004	NACKS, China	55,676	10.00	Chinese	Old sale and delivered, DD 06/2027, SS 07/2029
New Liulinhai	2004	NACKS, China	55,565	10.00		Old sale and delivered, DD 07/2027, SS 06/2029
Vela	2007	Vietnam	53,565	10.80	Undisclosed	DD/SS 06/2027
Sider Bellezza	2026	Japan	40,010	38.50	Undisclosed	OHBS, eco M/E, DD/SS passed 06/2026, next DD 06/2029, SS 06/2031
Ultra Tatio	2016	Japan	37,927	22.00	Undisclosed	Eco M/E, DD/SS due 10/2026
Crimson Wyoming	2015	Japan	33,117	18.10	Greek	OHBS, eco M/E, DD 04/2028, SS 03/2030
TANKERS						
Sea Leopard	2011	Korea	314,000	135.00	Undisclosed	DD/SS passed 02/2026
Montestena	2012	Korea	159,372	87.00	Undisclosed	Eco M/E, DD/SS 03/2027
Olympic Future	2004	Japan	155,039	50.00	Undisclosed	Old sale and delivered, DD 07/2027, SS 08/2029
Olympic Flag	2004	Japan	154,966	50.00		Old sale and delivered, DD 04/2027, SS 04/2029
Graff	2001	Japan	150,678	45.00	Undisclosed	DD/SS due 08/2026
Vienna Wood	2010	Japan	105,304	49.40	Undisclosed	DD/SS 01/2029

Marlin Hestia	2017	Korea	74,260	49.00	Undisclosed	Eco M/E, DD/SS 07/2027
Marlin Hera	2017	Korea	74,198	49.00		Eco M/E, DD/SS 05/2027
Martini	2006	Daewoo-Mangalia, Romania	69,431	20.00	Chinese	DD/SS 07/2027
Katherine Lady	2022	Korea	49,999	53.00	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD/SS passed 09/2026
Ardmore Endeavour	2013	Korea	49,859	35.00	Undisclosed	Scrubber fitted, chemical IMO II, epoxy coated, eco M/E, DD due 09/2026, SS 07/2028
BS Haiphong	2024	Vietnam	12,992	Undisclosed	Undisclosed	Chemical IMO II, expoy coated, eco M/E, DD 11/2027, SS 11/2029
CONTAINERS						
EF Emma	2008	Germany	24,095	21.00	Carmel Shipping	1698 teu, DD/SS 02/2028
Blpl Blessing	2007	Singapore	13,479	11.00	Undisclosed	1030 teu, CR 2X40T, DD/SS 10/2027
OTHERS						
Captain John NP	2007	Korea	58,691	75.00	Chinese	LPG, 80595cbm, DD/SS due 03/2027

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
	09/2026	1M	3M	6M	12M	

CAPESIZE

180k dwt	Resale	85.00	4%	4%	6%	12%	65.25
180k dwt	5 tuổi	74.00	3%	3%	8%	19%	50.75
170k dwt	10 tuổi	58.00	4%	4%	10%	25%	36.25
150k dwt	15 tuổi	38.00	3%	4%	10%	43%	23.00

PANAMAX

82k dwt	Resale	47.00	3%	4%	11%	14%	38.50
82k dwt	5 tuổi	42.00	5%	6%	15%	23%	32.25
76k dwt	10 tuổi	33.00	8%	12%	16%	28%	23.25
74k dwt	15 tuổi	22.50	5%	6%	18%	26%	15.50

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	44.00	1%	2%	6%	14%	36.75
58k dwt	5 tuổi	39.00	1%	3%	10%	23%	28.75
56k dwt	10 tuổi	30.00	3%	7%	7%	28%	21.00
52k dwt	15 tuổi	19.50	5%	11%	22%	26%	14.25

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	37.50	1%	4%	9%	14%	30.75
37k dwt	5 tuổi	31.00	0%	4%	13%	17%	24.50
32k dwt	10 tuổi	24.00	0%	4%	17%	17%	17.00
28k dwt	15 tuổi	13.00	0%	0%	4%	8%	10.50

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
	09/2026	1M	3M	6M	12M	

VLCC

310k dwt	Resale	187.00	2%	7%	7%	27%	125.25
310k dwt	5 tuổi	162.00	3%	12%	16%	38%	97.25
250k dwt	10 tuổi	137.00	3%	19%	25%	57%	71.50
250k dwt	15 tuổi	109.00	9%	31%	36%	88%	51.00

SUEZMAX

160k dwt	Resale	133.00	11%	16%	23%	43%	85.00
150k dwt	5 tuổi	111.00	11%	17%	26%	46%	67.25
150k dwt	10 tuổi	91.00	8%	14%	28%	49%	51.50
150k dwt	15 tuổi	70.00	3%	12%	32%	73%	36.25

AFRIMAX

110k dwt	Resale	95.00	0%	3%	9%	27%	70.75
110k dwt	5 tuổi	85.00	0%	6%	17%	36%	57.25
105k dwt	10 tuổi	72.50	0%	4%	21%	45%	44.00
105k dwt	15 tuổi	54.00	4%	14%	35%	66%	30.75

MR

52k dwt	Resale	60.00	3%	-2%	5%	15%	47.50
52k dwt	5 tuổi	50.00	4%	-2%	6%	19%	38.25
45k dwt	10 tuổi	40.00	5%	-2%	8%	25%	28.50
45k dwt	15 tuổi	27.00	4%	-7%	4%	46%	19.25

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tankers	306,000 dwt	-	4	Hengli	Dynacom	2030	
Tankers	158,000 dwt	-	2	Hengli	Dynacom		
Tankers	157,000 dwt	88.30	2	Samsung's PaxOcean's yard in China	Advantage Tankers	SH 2029	Price per unit
Tankers	50,000 dwt	51.80	2	Hyundai H.I.	Asyad Shipping	SH 2029	Price per unit, fixed for 5 years T/C to Global Energy Company
Tankers	50,000 dwt	-	4	GSI, China	Advantage Tankers	2029	Price per unit, fixed for 5 years T/C to Global Energy Company
LNG	200,000 cbm	275.00	4	Samsung, Korea	Dynagas	2029	Price per unit
VLAC	93,000 cbm	-	6	Hengli	Dynagas		
VLAC	93,000 cbm	-	2	New Times	Akrotiri Tankers	2029	
Bulkers	210,000 dwt	112.50	8	Yangzijiang Shipbuilding	HMM	2030	Price per unit, triple fuel propulsion and will be chartered long term to Vale
Containers	14,000 teu	155.00	2	Hudong-Zhonghua	China United Lines	2029	Price per unit
MPP	25,000 dwt	-	2	Guangji Green Energy Shipbuilding	Wealth Holdings	2029	Price per unit, heavy lifter CR 3X150T, fixed long term to Norden, options for a second pair and a third

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	09/ 2026	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	75.0	0.00%	0.00%	2.74%	4.90%
Panamax (77.000 dwt)	37.5	0.00%	0.00%	2.74%	2.74%
Supramax (61.000 dwt)	34.5	0.00%	0.00%	2.99%	2.99%
Handysize (37.000 dwt)	31.0	0.00%	0.00%	5.08%	5.08%

Giá trị tàu dầu đầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	09/ 2026	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	130.0	0.00%	0.00%	0.00%	1.56%
Suezmax (170.000 dwt)	89.0	0.00%	0.00%	0.00%	3.49%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	0.00%	1.35%	1.35%
MR (56.000 dwt)	50.5	0.00%	0.00%	0.99%	-1.92%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Cước trung bình phân khúc Ultramax và Supramax tuần qua đóng cửa ở mức 22.332 đô la Mỹ, tiếp tục tăng thêm 604 đô la Mỹ so với mức 21.928 đô la Mỹ tuần trước. Thị trường tiếp tục củng cố đà tăng, nhu cầu thuê được đẩy lên cao. Một điểm thú vị đang hình thành trên thị trường là cả các tuyến hàng đi từ Đại Tây Dương

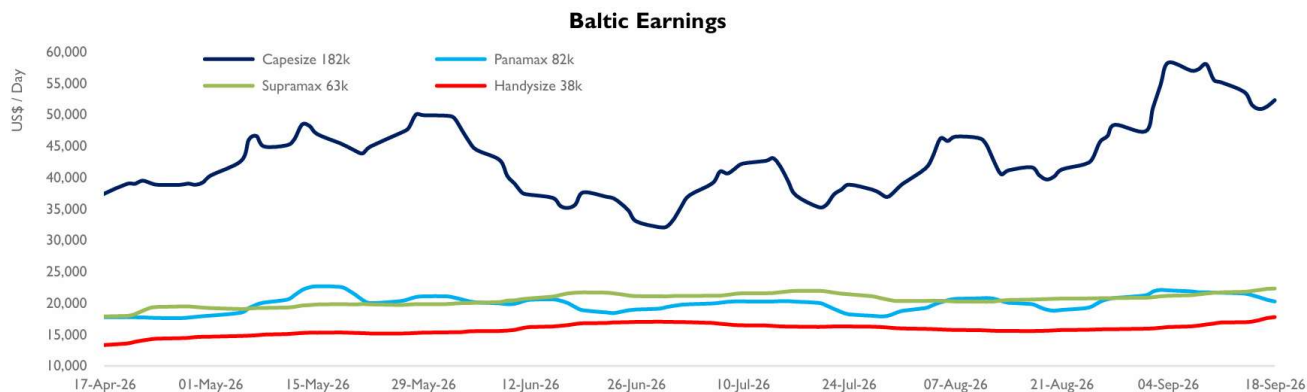
sang châu Á (fronthaul) và các tuyến hàng quay đầu từ Thái Bình Dương về (backhaul) đang đạt mức tương đương, với cả hai chiều đều chốt hợp đồng ở mức khoảng 20.500 đô la Mỹ. Khu vực Continent bùng nổ mạnh mẽ với mức giá cước cực cao cho các chuyến chở phế liệu. Tình trạng này càng tăng mạnh hơn do khu vực rủi ro cao (HRA) ở Biển Đen được mở rộng. Ở phía Đông, thị trường tiếp tục mạnh lên trong suốt tuần, dẫn dắt bởi các tuyến vòng qua Bắc Thái Bình Dương và chiều vững chắc hơn ở phía bắc, trong khi các tuyến vận chuyển Indonesia – Ấn Độ vẫn là khu vực mạnh nhất ở phía nam. Tâm lý thị trường được cải thiện cũng làm sống lại sự quan tâm đối với các hợp đồng cho thuê định hạn, với một vài giao dịch tàu Ultramax/Supramax được ghi nhận rõ ràng ở mức khoảng 23.000–23.500 đô la Mỹ từ 5–8 tháng. Sự quan tâm đến hợp đồng định kỳ 1 năm cũng vẫn được duy trì khi các chủ tàu tìm kiếm hợp đồng bao tiêu qua quý 1.

Chỉ số cước trung bình phân khúc Handies tuần qua đóng cửa ở mức 17.776 đô la Mỹ, tăng 851 đô la Mỹ so với mức 16.925 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường chứng kiến thêm một tuần giao dịch sôi động với mức tăng đáng kể được ghi nhận ở nhiều khu vực. Tình trạng thiếu hụt tàu giao ngay, kết hợp với lượng lớn hàng phế liệu và hàng rời đổ vào thị trường tại khu vực Continent đã đẩy giá cước tăng vọt. Các chuyến hàng phế liệu đi Đông Địa Trung Hải được cho là đã chốt ở mức khoảng 30.000 đô la Mỹ, khi các chủ tàu tận dụng lợi thế từ việc người thuê tàu ngày càng rơi vào thế khó. Centurion chốt tàu Aromo (37.927 dwt, đóng 2020), neo tại Ba Lan, đã được chốt từ Gdansk cho một chuyến đi Caribe với giá khoảng 17.000 đô la Mỹ. Hoạt động thuê định hạn tại châu Âu và Tây Địa Trung Hải cũng khởi sắc, khi người thuê tàu tích cực tìm kiếm tàu để bù đắp các khoản lỗ từ chặng khai thác đầu tiên. Hoạt động tại Vịnh châu Mỹ vẫn duy trì mạnh mẽ, với một tàu khoảng 40.000 dwt được chốt cho chuyến chở hàng rời từ Vịnh châu Mỹ và trả tàu tại Thổ Nhĩ Kỳ với giá khoảng 28.000 đô la Mỹ. Khu vực Nam Đại Tây Dương cũng duy trì trạng thái khả quan, LDC chốt tàu Nordseine (38.036 dwt, đóng 2015) được chốt từ Acu qua Upriver cho chuyến đi Peru với giá khoảng 26.000 đô la Mỹ. Trong khi đó, Prudent chốt tàu Paiwan Champion (39.785 dwt, đóng 2026) giao tàu tại Recalada cho chuyến đi Nam Phi ở mức khoảng 26.000–27.000 đô la Mỹ. Thị trường Thái Bình Dương diễn ra trái chiều, với khu vực Viễn Đông tăng vững nhờ nguồn cung tàu khan hiếm và lượng hàng hóa hỏi mua tăng lên, đặc biệt là thép Hàn Quốc, trong khi Đông Nam Á vẫn chững lại ở mức giá giao dịch gần nhất.

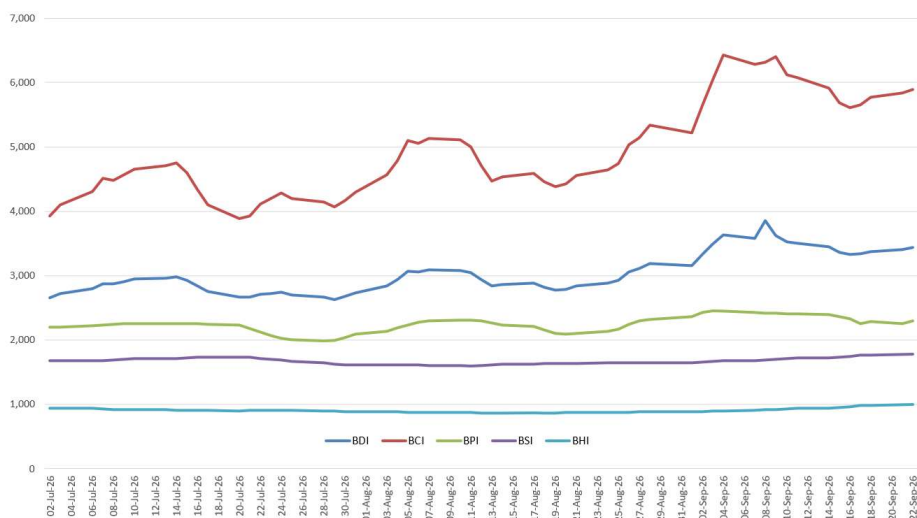
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 21/09/2026

	US\$/ngày	▼/▲
SUPRAMAX	20.298	▲ 604
HANDIES 38K	17.776	▲ 851

(so sánh với giá trị ngày 14/09/2026)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Theo ghi nhận, giá dầu giảm về gần ngưỡng 100 đô la Mỹ/thùng và xuống mức thấp nhất trong 11 ngày trong phiên giao dịch đầu tuần, khi giới đầu tư kỳ vọng những tiến triển ngoại giao liên quan đến xung đột Mỹ - Iran tại cuộc họp của Liên Hợp Quốc trong tuần này, đồng thời theo dõi khả năng Ả Rập Xê-út từng bước khôi phục hoạt động xuất khẩu. Tuy nhiên, giao tranh tại Trung Đông vẫn tiếp diễn. Lực lượng Houthi được Iran hậu thuẫn tại Yemen cho biết đã tấn công thủ đô Riyadh của Ả Rập Xê-út cũng như một cơ sở của Saudi Aramco tại thành phố Yanbu bên bờ Biển Đỏ, đồng thời thúc đẩy các hoạt động nhằm cắt đứt khu vực ven Biển Đỏ khỏi những vùng lãnh thổ còn lại do các lực lượng được Ả Rập Xê-út hậu thuẫn kiểm soát. Theo ba nguồn tin Iran nắm rõ vấn đề, Trung Quốc đã đề nghị Iran giúp kiềm chế lực lượng Houthi, sau khi Ả Rập Xê-út kêu gọi Bắc Kinh hỗ trợ. Các cuộc tấn công của Houthi nhằm vào tuyến đường ống Đông - Tây của Saudi Aramco đã khiến tập đoàn này tăng lượng dầu xuất khẩu qua eo biển Hormuz trong tháng này và tháng tới, sau khi tạm dừng một phần hoạt động vận chuyển qua cảng Yanbu.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC

Tại thị trường Trung Đông, cước thuê tàu tăng mạnh khi các nhà máy lọc dầu Trung Quốc tích cực cạnh tranh để thu mua các lô dầu giao vào cuối tháng 9, đẩy cước tuyến Fujairah/Viễn Đông lên gần mức WS 1.000, nhằm tránh đi qua eo biển Hormuz. Nguồn cung tàu hiện đang cực kỳ khan hiếm, trong khi những gián đoạn mới đối với đường ống dẫn dầu Đông – Tây của Ả rập xê út đang thúc đẩy việc sử dụng các phương án chuyển tải giữa tàu với tàu thay thế. Do đó, áp lực tăng cước được dự báo sẽ tiếp tục, khi các nhà máy lọc dầu ưu tiên đảm bảo nguồn dầu thô hơn là tiết giảm chi phí vận chuyển. Tại khu vực Đại Tây Dương, tuyến Tây Phi/Trung Quốc cũng ghi nhận mức tăng, với mức tăng 100 điểm lên WS 531.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Trung Đông/ Trung Quốc	982.072	1.241.097	↑
USG/Trung Quốc	269.680	527.477	↑

Phân khúc tàu Suezmax

Thị trường Tây Phi ghi nhận cước thuê tàu tăng vọt lên WS 454 chỉ trong một ngày, khi các bên thuê tàu tích cực tìm kiếm tàu trong bối cảnh nhu cầu dầu thô tại Đại Tây Dương tăng mạnh, rủi ro địa chính trị tại Trung Đông gia tăng và nguồn cung tàu VLCC thiếu hụt nghiêm trọng. Thị trường Đại Tây Dương hiện ghi nhận lượng lớn yêu cầu vận chuyển theo hình thức tách chặng đến khu vực Vịnh Hoa Kỳ, cho thấy xu hướng thị trường tăng giá mạnh và dự kiến sẽ tiếp tục duy trì. Theo ghi nhận tại Biển Đen, cước tuyến CPC/Augusta cũng tăng lên WS 500.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Tây Phi / Cont	238.297	238.770	↑
USG / UKC	221.890	248.413	↑

Phân khúc tàu Aframax

Thị trường Trung Đông, cước thuê tàu tăng mạnh khi sản lượng dầu thô và khí ngưng tụ trong khu vực gia tăng, trong khi nguồn cung tàu ngày càng thu hẹp, một phần do lượng tàu VLCC lớn chuyển sang các khu vực khác. Tại Địa Trung Hải, mức thu nhập ngày của tàu vẫn duy trì ở mức cao, trong khi danh sách tàu nhìn chung cân bằng cho đến cuối tháng 9. Tuyến 80.000 tấn Ceyhan/Lavera kết thúc tuần ở khoảng WS 435.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
UKC / UKC	146.494	189.659	↑
Med / Med	147.920	213.711	↑
USG / Cont	142.690	123.487	↓
Caribs / USG	154.833	132.534	↓

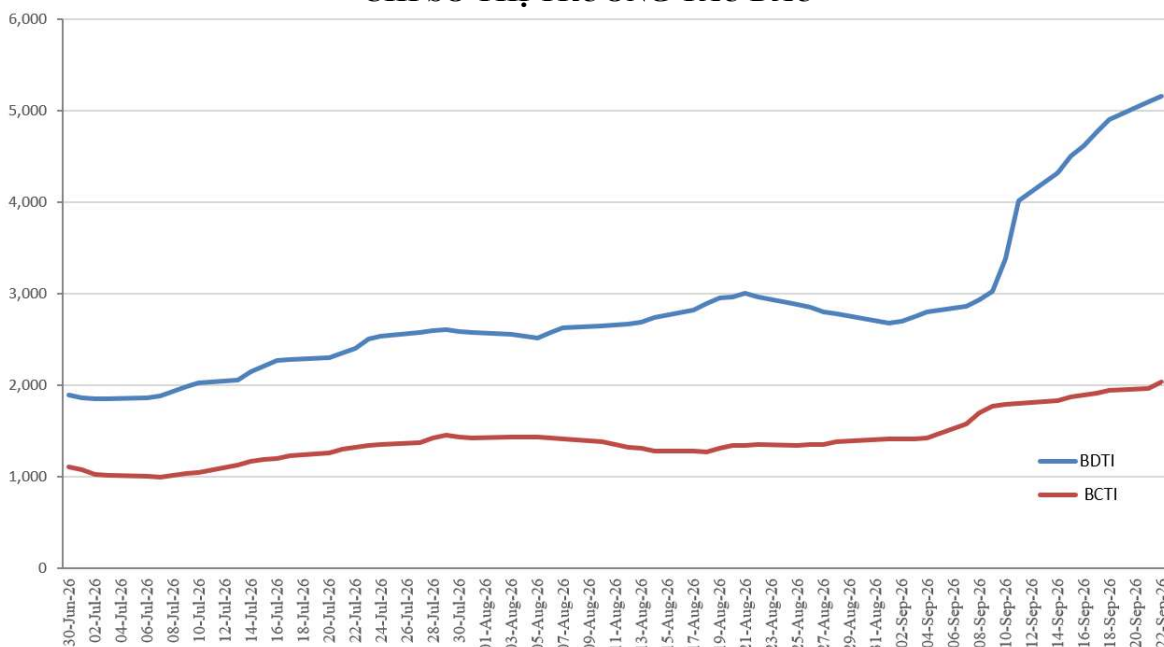
3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR/Handy**: Thị trường tàu MR tại khu vực Địa Trung Hải khởi đầu tuần ổn định, với hoạt động giao dịch ngoài thị trường khá tốt, giúp cân bằng nguồn cung tàu vẫn ở mức tương đối dồi dào. Tuy nhiên, nhu cầu thuê tàu chở naphtha tăng mạnh cùng với thị trường phía Bắc vững hơn đã hỗ trợ mặt bằng cước cải thiện. Theo ghi nhận, khu vực UKC và Địa Trung Hải lần lượt được chốt ở WS 190 và WS 225, tăng tương ứng 25 và 50 điểm so với mức chốt gần nhất. Một số chủ tàu hiện đã có thể cân nhắc điều tàu rỗng sang khu vực khác nếu thị trường tiếp tục tăng. Các lô hàng chưa được chốt có thể cân nhắc hạ kích cỡ tàu để thuê Handysize với mức cước tốt hơn. Nhìn chung, đây là một tuần tích cực đối với chủ tàu MR và thị trường được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trong tuần tới. Tại Tây Bắc Âu, nguồn cung tàu MR rất khan hiếm trong suốt tuần do hoạt động giao dịch tăng lên mức cao nhất trong nhiều tháng. Chênh lệch giá giữa các khu vực mở

rộng trở lại, cùng với lượng lô hàng TC2 gia tăng và các chuyến đường dài đi Tây Phi, Nam Phi và Brazil được chốt, đã làm giảm lượng tàu chạy tuyến ngắn quay vòng trên thị trường, qua đó hỗ trợ mặt bằng cước duy trì ở mức cao. TC2 tăng lên WS 150, trong khi tuyến Tây Phi được thử ở mức WS 220 cho hàng từ Tema. Một số lô hàng vẫn chưa được chốt và dự kiến sẽ tiếp tục được đưa ra thị trường trong tuần tới. Tâm lý thị trường vẫn vững, nguồn cung tàu khan hiếm và xu hướng tăng được kỳ vọng tiếp tục duy trì. Đối với phân khúc tàu Handy, Thị trường Địa Trung Hải cũng có một tuần ổn định, với tuyến x-Med được chốt trong khoảng WS 180–190, tùy thuộc vào khu vực xếp hàng. Nguồn cung tàu tại Tây Địa Trung Hải thắt chặt hơn trong khi thị trường x-UKC ngày càng vững, khiến các lô hàng xếp tại khu vực này phải trả cước ở mức cao hơn. Trong khi đó, Trung Địa Trung Hải và Đông Địa Trung Hải vẫn có nguồn tàu dồi dào hơn, mang lại cho bên thuê nhiều lựa chọn hơn.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Theo ghi nhận cước trên tuyến Houston đi Châu Âu và Ulsan tăng 3–5 đô la Mỹ/tấn trong tuần này. Nguồn tàu cho các chuyến tháng 9 gần như đã được chốt hết, với các chủ tàu hiện tập trung vào các ngày giao trong tháng 10. Các lô CSS đi Châu Âu tiếp tục chiếm phần lớn nhu cầu vận chuyển cho tháng 10. Một số chủ tàu vẫn chưa chốt các lô CSS giao kỳ hạn do hai bên chưa thống nhất được mức cước kỳ vọng. Thị trường CPP khu vực phía Tây duy trì ổn định, tuy nhiên hoạt động giao dịch phải giảm đáng kể thì các chủ tàu mới cân nhắc nhận hàng hóa chất theo hình thức chở ghép nhiều lô. Cước trên tuyến Rotterdam/ Châu Á hiện chưa thay đổi, bất chấp giá nhiên liệu tăng. Nguồn tàu vẫn còn tương đối mở. Đối với tuyến Singapore/Rotterdam chở các lô 5.000 tấn và mức cước tham chiếu Ulsan/Houston cùng tăng 10 đô la Mỹ/tấn trong tuần này, nhờ giá nhiên liệu và thị trường CPP tại khu vực phía Đông tiếp tục tăng. Các kỳ nghỉ Trung thu và Tuần lễ Vàng sắp tới cũng góp phần duy trì mặt bằng cước ở mức cao. Tương tự, cước thuê định hạn theo chuyến đối với dầu cò tăng 2.500 đô la Mỹ/ngày trong tuần này. Tuyến Argentina đi Ấn Độ với cước vận chuyển dầu thực vật tăng 2 đô la Mỹ/tấn trong tuần, trong bối cảnh giá dầu thô và nhiên liệu ở mức cao cùng với căng thẳng mới tại Trung Đông. Các chủ tàu đang có vị trí mở tại Nam Mỹ dường như ưu tiên giữ tàu ở khu vực phía Tây, kỳ vọng thị trường Đại Tây Dương sẽ sớm tăng theo đà của thị trường phía Đông. Đồng thời, thị trường phía Tây được kỳ vọng sẽ tăng theo yếu tố mùa vụ trong quý IV.

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	500		525		535	
2	Bangladesh	490		515		525	
3	India	465		485		495	
4	Turkey	300	▲ 10	310-315	▲ 5-10	325-330	▲ 5-10

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 38/2026

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	DWT	Comments
Sun Gold	Bulker	1996	7,596	Bangladesh	485.00	45,585	
Maestro 1	Bulker	1998	5,142	Pakistan	507.00	23,994	
Novaya Zemlya	Bulker	2009	8,109	India	-	23,645	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG PIONEER SHIPBROKERS MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.